

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đã được soát xét

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CREATE CAPITAL VIỆT NAM**



MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1 BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BẢO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	03
3. BẢO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
3.1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
3.2 BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	06
3.3 BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	07
3.4 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	08 - 41

513041
CHI NH
ÔNG TY
IỂM T
DỊCH VỤ
P.HỒ CH
GIẤY.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam (sau đây được viết tắt là "Công ty") trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Create Capital Việt Nam theo Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐTV ngày 03/9/2014 của Hội đồng thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 ngày 29/12/2010, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 07/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty: Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán hàng hóa, thành phẩm (gạch, than, điều, cao su SVR10, ...) và xây dựng.

Trụ sở chính: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 và đến ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Anh Tám

Chủ tịch HĐQT

Bổ nhiệm ngày 18/02/2017

Ông Nguyễn Tuấn Linh

Thôi giữ chức Chủ tịch HĐQT và là thành viên

HĐQT từ ngày 18/02/2017

Ông Hoàng Trung Kiên

Thành viên

Ông Nguyễn Lâm Tùng

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Kim

Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đặng Tiến Sỹ

Trưởng Ban

Ông Nguyễn Quang Huy

Thành viên

Ông Nguyễn Văn Nhu

Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Mai Anh Tám

Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật,

Bổ nhiệm ngày 18/02/2017

Ông Nguyễn Tuấn Linh

Thôi giữ chức Tổng Giám đốc từ ngày 18/02/2017

Bà Dương Thị Huyền

Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng

102-L
NH
NHH
ẤN
N HỌ
TÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên soát xét báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính giữa niên độ thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính giữa niên độ phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017



Tổng Giám đốc

Mai Anh Tám



Số: 170738/BCSX-AISHN

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited
Office: 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3832 8964 (10 Lines) Fax: (84.8) 3834 2957
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam, được lập ngày 10/8/2017, từ trang 04 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017



CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Giám đốc

Đào Tiến Đạt

Số CNĐKHNT: 0078-2013-05-1

Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hùng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ: 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045 /46 /47 Fax: (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn

Tel: (0511) 371 5619 Fax: (0511) 371 5620 Email: aiscnt@dng.vnn.vn

Tel: (0710) 3813 004 Fax: (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 Fax: (031) 3569 576

C
K
V
C
C

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.669.231.327	56.830.745.338
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	9.964.619.538	840.886.419
1. Tiền	111		4.964.619.538	840.886.419
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.000.000.000	0
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.10b	11.800.000.000	0
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		11.800.000.000	0
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.511.788.619	39.120.971.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	7.160.471.632	6.456.595.455
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	10.216.118.043	12.501.065.191
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	4.000.000.000	0
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9.181.687.359	20.209.799.476
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(46.488.415)	(46.488.415)
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	27.258.486.435	16.857.572.342
1. Hàng tồn kho	141		27.258.486.435	16.857.572.342
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		134.336.735	11.314.870
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	37.083.748	11.314.870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		80.218.076	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14b	17.034.911	0
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		140.861.591.280	157.926.833.493
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		66.555.000.000	66.555.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	66.555.000.000	66.555.000.000
II. Tài sản cố định	220		1.002.959.256	1.107.074.484
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.002.959.256	1.107.074.484
Nguyên giá	222		1.249.382.728	1.249.382.728
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(246.423.472)	(142.308.244)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.9	1.208.758.478	5.525.950.478
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.208.758.478	5.525.950.478
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10c	72.052.172.000	84.639.369.299
1. Đầu tư vào công ty con	251		44.004.172.000	40.488.217.760
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		20.000.000.000	37.555.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	253		8.048.000.000	6.625.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	254		0	(28.848.461)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		42.701.546	99.439.232
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	42.701.546	99.439.232
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		220.530.822.607	214.757.578.831

Các thuyết minh Báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng Báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		57.553.966.015	52.926.136.880
I. Nợ ngắn hạn	310		55.018.846.015	52.241.886.885
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7.446.904.818	10.134.247.076
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	4.690.001.637	11.247.078.325
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14a	1.741.078.958	2.218.860.677
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	110.552.841	16.813.958
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	540.466.243	400.442.942
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	40.489.841.518	28.224.443.907
II. Nợ dài hạn	330		2.535.120.000	684.249.995
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	2.535.120.000	684.249.995
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		162.976.856.592	161.831.441.951
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	162.976.856.592	161.831.441.951
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.976.856.592	11.831.441.951
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		11.831.441.951	5.544.561.745
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.145.414.641	6.286.880.206
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		220.530.822.607	214.757.578.831

Người lập biểu

Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Mai Anh Tám

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
			Năm 2017	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.869.467.844	56.670.260.476
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36.869.467.844	56.670.260.476
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	35.399.776.701	53.479.887.637
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.469.691.143	3.190.372.839
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.456.491.194	1.458.609.162
6. Chi phí tài chính	22	VI.4	907.182.583	1.619.749.534
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		872.800.749	1.572.266.499
7. Chi phí bán hàng	25	VI.5a	329.517.289	340.530.925
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5b	734.995.045	1.062.753.747
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		954.487.420	1.625.947.795
10. Thu nhập khác	31	VI.6	345	6.345
11. Chi phí khác	32	VI.7	154.697.285	155.109.042
12. Lợi nhuận khác	40		(154.696.940)	(155.102.697)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		799.790.480	1.470.845.098
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	190.899.623	325.430.457
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		608.890.857	1.145.414.641

Người lập biểu

Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc



Mai Anh Tám

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	1.470.845.098
2.	Điều chỉnh cho các khoản		
	Khấu hao TSCĐ	02	104.115.228
	Các khoản dự phòng	03	(28.848.461)
	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	917.548
	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.200.000.000)
	Chi phí lãi vay	06	1.572.266.499
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.919.295.912
	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	10.788.895.699
	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.400.914.093)
	Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.446.211.559)
	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	30.968.808
	Tiền lãi vay đã trả	14	(1.555.213.184)
	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(695.600.000)
	<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh</i>	20	<i>(9.358.778.417)</i>
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền thu từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	4.317.192.000
2.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(16.000.000.000)
3.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000
4.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(6.377.954.240)
5.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	22.177.451.069
6.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	49.565.439
	<i>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>4.366.254.268</i>
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	65.570.699.550
2.	Tiền chi trả gốc vay	34	(51.454.431.934)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>14.116.267.616</i>
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	9.123.743.467
	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	840.886.419
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.348)
	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	9.964.619.538

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Tổng Giám đốc

Dương Thị Huyền

Dương Thị Huyền



Mai Anh Tám

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

I- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam được thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ Công ty TNHH Create Capital Việt Nam theo Nghị quyết số 39/2014/NQ-HĐTV ngày 03/9/2014 của Hội đồng thành viên. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105087537 ngày 29/12/2010, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 07/3/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30/6/2017 là **150.000.000.000 đồng** (Một trăm năm mươi tỷ đồng).

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 là bán hàng hóa, thành phẩm (gạch, than, điều, cao su SVR10, ...) và xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng, bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

4. Cấu trúc doanh nghiệp**4.1. Danh sách các công ty con**

Tại ngày 30/6/2017, Công ty có hai (02) Công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	Số 494, đường Phan Đình Phùng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum; tỉnh Kon Tum	Sản xuất kinh doanh gạch	80,00%	80,00%
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Khu đôi Gộc, thôn Nội, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Sản xuất kinh doanh gạch	66,68%	66,68%

4.2. Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 30/6/2017, Công ty có một (01) Công ty liên kết như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Khu 8, xã Vũ Yên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	22,38%	22,38%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính giữa niên độ

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng. Do Công ty không lập Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 nên không có số liệu so sánh cho giai đoạn này.

II- NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

III- CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

30
H N
IG
M
CH
HỒ

T.N.H.H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán (tiếp theo)****Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

Tất cả các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ (mua bán ngoại tệ, góp vốn hoặc nhận vốn góp, ghi nhận nợ phải thu, nợ phải trả, các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ) được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ (tiền, tương đương tiền, các khoản phải thu và phải trả, ngoại trừ các khoản mục khoản trả trước cho người bán, người mua trả tiền trước, chi phí trả trước, các khoản đặt cọc và các khoản doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua chuyển khoản của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân và tỷ giá mua vào chuyển khoản của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 30/6/2017 cùng là: 22.700 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 30/6/2017 là: 3.358 VND/CNY.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính, kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

Khi thanh toán tiền bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

==
41
==
IH/
GY
T
VỤ
CH
==
Y-
==

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, các khoản đầu tư này được đánh giá theo giá trị có thể thu hồi. Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm/kỳ và ghi giảm giá trị đầu tư.

Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay có khế ước, hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của Công ty đó. Khi Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát công ty con thì ghi giảm khoản đầu tư vào công ty con. Các khoản đầu tư vào công ty con được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các Công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các Công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận dưới các hình thức Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có), như: Chi phí giao dịch, môi giới, tư vấn, kiểm toán, lệ phí, thuế và phí ngân hàng... Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

00
TN
OI
TIN
MII
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BCC quy định hình thức hoạt động do một bên kiểm soát và có phương án chia lợi nhuận căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh của dự án.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị khác: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư nếu công ty này là công ty mẹ, và là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con.

Nguyên tắc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính: Theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Thông tư số 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc lập dự phòng phải thu khó đòi: theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Thông tư 34/2011/TT-BTC ngày 14/3/2011 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi Thông tư số 228/2009/TT-BTC.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định của Công ty được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định*”.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

6 - 10 năm

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí xây dựng và các chi phí khác.

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ;...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác,... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay phản ánh giá trị các khoản tiền đi vay và tình hình thanh toán các khoản tiền vay của Công ty (không phản ánh các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu). Các khoản nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Căn cứ vào thời gian trả nợ kể từ thời điểm lập báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo) hoặc là vay và nợ thuê tài chính dài hạn (có thời gian trả nợ hơn 12 tháng).

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả: Được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hoá, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ gồm những chi phí sau: lãi vay phải trả, các chi phí phải trả khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hóa cho khách hàng hoặc đã hoàn thành dịch vụ và chuyển giao cho khách hàng nhưng một phần trong số đó Công ty chưa thực hiện được.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ căn cứ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu của từng năm tài chính.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần: Được ghi nhận theo số chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá và chênh lệch tăng, giảm so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: Là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận được phân phối căn cứ vào Điều lệ hoạt động của Công ty và phương án phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc tăng, giảm vốn điều lệ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm: Doanh thu ban đầu được ghi nhận trong hợp đồng; và các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Doanh thu của hợp đồng xây dựng được xác định bằng giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Việc xác định doanh thu của hợp đồng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện sẽ xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải được sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và những yếu tố không chắc chắn được giải quyết. Vì vậy, doanh thu của hợp đồng có thể tăng hay giảm ở từng thời kỳ.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Đối với hợp đồng xây dựng giá cố định, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện: 1. Tổng doanh thu của hợp đồng được tính toán một cách đáng tin cậy; 2. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 3. Chi phí để hoàn thành hợp đồng và phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm lập báo cáo tài chính được tính toán một cách đáng tin cậy; 4. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy để tổng chi phí thực tế của hợp đồng có thể so sánh được với tổng dự toán.

Đối với hợp đồng xây dựng với chi phí phụ thêm, kết quả của hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Doanh nghiệp thu được lợi ích kinh tế từ hợp đồng; 2. Các khoản chi phí liên quan đến hợp đồng có thể xác định được rõ ràng và tính toán một cách đáng tin cậy không kể có được hoàn trả hay không.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, đầu tư vào đơn vị, hợp tác kinh doanh khác, lãi tỷ giá hối đoái,...).

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*.

11/01/15 11:05:10 H

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, dự phòng giảm giá đầu tư, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của công ty trong năm tài chính hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

21. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

22. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 06/11/2009 (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải thu về cho vay và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, các khoản vay và nợ.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

22. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

23. Bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

24. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

22
JH
NT
JA
IN
MIN
TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: đồng

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017		01/01/2017	
	Nguyên tệ	Đồng	Nguyên tệ	Đồng
Tiền mặt		623.398.799		790.187.008
Tiền gửi ngân hàng	399,31	4.341.220.739	0,00	50.699.411
<i>Tiền gửi ngân hàng Việt Nam</i>		<i>4.332.156.402</i>		<i>50.699.411</i>
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ		10.003.010		44.435.385
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân		473.512		3.145.277
Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Sở Giao dịch 1		5.726.492		1.888.668
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Thanh Xuân		869.908		1.097.608
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		64.501.284		3.443
Ngân hàng TMCP Tiên phong - CN Phạm Hùng		5.255		129.030
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kon Tum		4.250.000.000		0
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Phúc Yên		576.941		0
<i>Tiền gửi ngân hàng ngoại tệ (Đô la Mỹ)</i>	<i>399,31</i>	<i>9.064.337</i>	<i>0,00</i>	<i>0</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Xuân	299,31	6.794.337	0,00	0
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ	100,00	2.270.000	0,00	0
Các khoản tương đương tiền		5.000.000.000		0
Tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		5.000.000.000		0
Cộng	399,31	9.964.619.538	0,00	840.886.419

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. Phải thu khách hàng

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Khách hàng trong nước	4.271.192.932	(46.488.415)	6.456.595.455	(46.488.415)
Công ty TNHH Hà Nội Phương	1.309.100.000	0	257.500.000	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	1.288.499.144	0	26.369.054	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc Việt CIC Kontum (*)	986.142.570	0	986.142.570	0
Công ty Cổ phần Xây dựng 5 châu (*)	498.485.748	0	498.485.748	0
Công ty TNHH TM & XD hạ tầng Nam Hải	95.988.640	0	1.195.988.640	0
Công ty CP Xây dựng và Phát triển thương mại Nam Sơn	0	0	455.518.480	0
Công ty Cổ phần Vật liệu nhẹ Thăng Long	92.976.830	(46.488.415)	92.976.830	(46.488.415)
Công ty TNHH TM và DVTH Thanh Tùng	0	0	758.884.655	0
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	0	0	634.370.000	0
Công ty CP Đầu tư xây dựng Việt Châu	0	0	502.250.000	0
Phải thu khách hàng khác	0	0	1.048.109.478	0
Khách hàng nước ngoài	2.889.278.700	0	0	0
RI International Pte Ltd	2.889.278.700	0	0	0
Cộng	7.160.471.632	(46.488.415)	6.456.595.455	(46.488.415)
c. Phải thu ngắn hạn của khách hàng là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	0	0	1.617.188	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	1.288.499.144	0	26.369.054	0
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	0	0	634.370.000	0
Cộng	1.288.499.144	0	662.356.242	0

(*) Đây là các khoản 5% giá trị bảo hành của Công trình, thời gian bảo hành là 12 tháng tính từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng.



CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Trả trước cho người bán

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	10.216.118.043	0	12.501.065.191	0
Nguyễn Văn Hào (*)	1.902.087.500	0	0	0
Võ Thị Thiện (*)	1.860.000.000	0	0	0
Vũ Thị Toan (*)	1.501.656.251	0	0	0
Doãn Thị Thảo (*)	1.449.457.500	0	0	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	1.586.615.130	0	0	0
Công ty TNHH MTV Hiệp Hưng	598.476.190	0	0	0
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	524.910.000	0	0	0
Nguyễn Bá Diệp	0	0	2.560.000.000	0
Phạm Thị Thúy	0	0	2.000.000.000	0
Trần Thị Quỳnh Trang	0	0	3.480.000.000	0
Phạm Văn Lộc	0	0	1.800.000.000	0
Ngô Thị Nhâm	0	0	1.708.000.000	0
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Dũng Thuan	0	0	432.065.191	0
Trả trước khác	792.915.472	0	521.000.000	0
Cộng	10.216.118.043	0	12.501.065.191	0
c. Trả trước cho người bán là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	1.586.615.130	0	0	0
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	524.910.000	0	0	0
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	8.290.572	0	0	0
Cộng	2.119.815.702	0	0	0

(*) Đây là khoản trả trước cho các cá nhân thu mua cao su.

4. Phải thu về cho vay

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn (*)	4.000.000.000	0	0	0
Đào Thị Thảo	4.000.000.000	0	0	0
Cộng	4.000.000.000	0	0	0

(*) Chi tiết cho vay ngắn hạn:

Khách hàng	Hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Dư nợ gốc
Đào Thị Thảo	01/2017/HĐV	10/05/2017	6 tháng	12%/năm	4.000.000.000

4/2
NHÀ
TỶ
1/1
VỤ
CHỈ
TƯ

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. Phải thu khác

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu khác ngắn hạn (*)	9.181.687.359	0	20.209.799.476	0
Trung tâm giao dịch, Đầu tư, tư vấn				
mua bán nợ và tài sản - Công ty TNHH	7.000.000.000	0	1.200.000.000	0
Mua bán nợ Việt Nam (DATC) (1)				
Ông Nguyễn Anh Sơn (1)	246.137.200	0	196.137.200	0
Hoàng Đức Duyệt (2)	1.200.000.000	0	0	0
Đặng Lâm Hùng (3)	400.000.000	0	0	0
Phải thu Công ty CP XNK Nam Hà Nội	111.000.000	0	111.000.000	0
tiền lãi vay				
Phải thu ông Mai Anh Tám về lãi tiền	81.416.667	0	0	0
gửi tiết kiệm				
Phải thu bà Đào Thị Thảo về lãi tiền	68.000.000	0	0	0
cho vay				
Tạm ứng	6.425.000	0	0	0
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	66.708.492	0	16.702.732	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng				
VLXD Kontum	2.000.000	0	0	0
Nhà máy Gạch Tuynel Alpha	0	0	5.596.165.277	0
Mai Văn Tài	0	0	1.309.144.695	0
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng				
Phát 1 (4)	0	0	8.071.208.000	0
Nhà máy Gạch Tuynel Hương Sơn	0	0	1.763.306.374	0
Lê Quang Thạch	0	0	1.934.670.926	0
Phải thu khác	0	0	11.464.272	0
b. Phải thu khác dài hạn (**)	66.555.000.000	0	66.555.000.000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam				
Thăng Long (5)	27.805.000.000	0	27.805.000.000	0
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây				
dựng Hà Nội (6)	26.050.000.000	0	26.050.000.000	0
Công ty CP Goldstar Việt Nam (7)	12.700.000.000	0	12.700.000.000	0
Cộng	75.736.687.359	0	86.764.799.476	0
c. Phải thu khác là bên liên quan				
Ngắn hạn	261.125.159	0	8.198.910.732	0
Phải thu Công ty CP XNK Nam Hà Nội	111.000.000	0	111.000.000	0
tiền lãi vay				
Phải thu ông Mai Anh Tám về tiền lãi	81.416.667	0	0	0
tiền gửi tiết kiệm				
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	66.708.492	0	16.702.732	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng				
VLXD Kontum	2.000.000	0	0	0
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng				
Phát 1	0	0	8.071.208.000	0
Dài hạn	66.555.000.000	0	66.555.000.000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam				
Thăng Long	27.805.000.000	0	27.805.000.000	0
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây				
dựng Hà Nội	26.050.000.000	0	26.050.000.000	0
Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam	12.700.000.000	0	12.700.000.000	0
Cộng	66.816.125.159	0	74.753.910.732	0

002
NH
TNP
QA
FIN
MIN
TP

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. Phải thu khác (tiếp theo)*** Phải thu khác ngắn hạn:**

(1) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã đặt cọc cho Ông Nguyễn Anh Sơn và Trung tâm Giao dịch, đầu tư, tư vấn mua bán nợ và tài sản - Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) để thực hiện mua phần vốn góp và mua nợ từ Ngân hàng của Công ty TNHH Trường Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 02/2016/HDCNPVG-TS ngày 28/02/2016 và biên bản thỏa thuận nguyên tắc ngày 09/11/2016.

(2) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam còn phải thu Ông Hoàng Đức Duyệt về tiền bán cổ phần sở hữu tại Công ty CP Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 theo Hợp đồng số 01/2017/HĐCNCP-CRC-DUYEN ngày 19/5/2017.

(3) Là khoản tiền Công ty ứng trước cho ông Đặng Lâm Hùng để đi khảo sát thị trường đầu ra, đầu vào và các mỏ nguyên vật liệu tại tỉnh Sơn La theo Quyết định số 09/QĐCT ngày 28/4/2017 của HĐQT.

(4) Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam đã thông qua phương án thoái toàn bộ vốn đã đầu tư cho dây truyền công nghệ lò trần phẳng công suất 50 triệu viên/năm tại Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 theo Nghị quyết số 0905/NQ/HĐQT/2017 ngày 09/5/2017.

**** Phải thu khác dài hạn**

(5) Công ty đã ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐ/CCV-NTL ngày 02/4/2011 và Phụ lục 01 ngày 15/01/2014 với Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long. Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long và Tổng Công ty Xây dựng Trường Sơn là đồng chủ đầu tư vào dự án Nhà ở chung cư cao tầng kết hợp dịch vụ thương mại và nhà trẻ tại thôn Ngọc Nại, xã Đại Mỗ, quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Dự án này được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư số 01121001690 ngày 20/3/2014 cho 02 đồng chủ đầu tư nêu trên. Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam sẽ được hưởng cổ tức theo tỷ lệ 20% trên lợi nhuận sau thuế của Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long liên quan đến dự án kinh doanh kể từ ngày phát sinh doanh thu bán căn hộ. Dự án được Sở Xây dựng Hà Nội cấp giấy phép xây dựng số 98/GPXD ngày 17/8/2017 và đã thi công xây dựng xong phần móng cùng tầng hầm của tòa nhà.

(6) Công ty ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội về việc cùng khai thác mỏ đá tại Liều Đô 3, xã Liều Đô, huyện Lục Yên, tỉnh Yên Bái; các khoản giải ngân thực hiện bằng tiền mặt bắt đầu từ ngày 11/02/2011. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của dự án được phân chia theo tỷ lệ: Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội hưởng 50%, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam hưởng 50%.

(7) Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam theo hợp đồng hợp tác số 04/HĐHTĐT/CREATE-GSS ngày 06/01/2014 để triển khai dự án phát triển phần mềm kế toán Weekend và phần mềm quản trị doanh nghiệp 1C. Lợi ích mỗi bên được phân chia theo tỷ lệ 50:50 phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của dự án.

6. Nợ xấu

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 đến 2 năm	92.976.830	46.488.415	92.976.830	46.488.415
Công ty Cổ phần Vật liệu nhẹ Thăng Long	92.976.830	46.488.415	92.976.830	46.488.415
Cộng	92.976.830	46.488.415	92.976.830	46.488.415

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. Hàng tồn kho

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.122.538.259	0	10.656.992	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	555.811.071	0	4.918.162.599	0
Thành phẩm	611.221.700	0	0	0
Hàng hóa	20.968.915.405	0	11.928.752.751	0
Cộng	27.258.486.435	0	16.857.572.342	0

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm 30/6/2017: không có.

- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản nợ vay tại thời điểm 30/6/2017: 3.976.072.727 đồng.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2017	1.249.382.728	1.249.382.728
Tại ngày 30/6/2017	1.249.382.728	1.249.382.728
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2017	142.308.244	142.308.244
Khấu hao trong kỳ	104.115.228	104.115.228
Tại ngày 30/6/2017	246.423.472	246.423.472
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2017	1.107.074.484	1.107.074.484
Tại ngày 30/6/2017	1.002.959.256	1.002.959.256

- Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2017 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 1.002.959.256 đồng.

- Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao ngày 30/6/2017 nhưng vẫn còn sử dụng: 0 đồng.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại 30/6/2017 chờ thanh lý: 0 đồng.

9. Tài sản dở dang dài hạn

	30/6/2017	01/01/2017
b. Xây dựng cơ bản dở dang	1.208.758.478	5.525.950.478
Mua chung cư văn phòng tại Hà Nội (*)	1.208.758.478	1.208.758.478
Dự án đất nông nghiệp tại Bắc Ninh	0	4.317.192.000
Cộng	1.208.758.478	5.525.950.478

(*) Đây là căn hộ chung cư đã mua tại số 110, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội của Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long để làm văn phòng. Chung cư này đang được hoàn thiện các hạng mục phụ trợ để đưa vào sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. Các khoản đầu tư tài chính

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.800.000.000	0	0	0
b1. Ngắn hạn	11.800.000.000	0	0	0
Tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân (*)	11.800.000.000	0	0	0
c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	72.052.172.000	0	84.668.217.760	(28.848.461)
Đầu tư vào công ty con (**)	44.004.172.000	0	40.488.217.760	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum (1)	24.000.000.000	0	24.000.000.000	0
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc (2)	20.004.172.000	0	16.488.217.760	0
Đầu tư vào công ty liên kết (***)	20.000.000.000	0	37.555.000.000	(28.848.461)
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO (1)	20.000.000.000	0	20.000.000.000	(19.016.148)
Công ty CP Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 (2)	0	0	13.305.000.000	(3.109.739)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	0	0	4.250.000.000	(6.722.574)
Đầu tư vào đơn vị khác (****)	8.048.000.000	0	6.625.000.000	0
Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch (1)	6.625.000.000	0	6.625.000.000	0
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam (2)	1.423.000.000	0	0	0
Cộng	83.852.172.000	0	84.668.217.760	(28.848.461)

(*) Thực hiện Nghị quyết HĐQT số 2903/NQ/HĐQT/2017 ngày 29/3/2017, Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam ủy quyền cho ông Mai Anh Tám đứng tên cá nhân trên khoản tiền gửi tiết kiệm của Công ty.

() Đầu tư vào công ty con**

(1) Công ty đang trong quá trình chuyển nhượng một phần vốn đầu tư tại Công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum là 750.000 cổ phần theo Nghị quyết số 2006/NQ-HĐQT/2017 ngày 20/6/2017 của Hội đồng quản trị. Tổng vốn góp tại ngày 30/6/2017 của Công ty vẫn đang là 24.000.000.000 đồng đạt 80% vốn góp của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum.

(2) Công ty góp vốn đầu tư thêm vào Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc theo Nghị quyết số 104/NQ-HĐQT ngày 01/4/2017 của Hội đồng quản trị. Tổng vốn góp tại 30/6/2017 là 20.004.172.000 đồng đạt 66,68% vốn góp của Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc.

(*) Đầu tư vào công ty liên kết**

(1) Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO theo Nghị quyết số 11/NQ/ĐHĐCĐ/2015 của Đại hội đồng cổ đông ngày 28/12/2015, số tiền góp vốn là 20.000.000.000 đồng, đạt 22,38% vốn góp của Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO.

005
C
C
K
A
T
A
U

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

(2) Công ty chuyển nhượng vốn góp tại Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1 theo Nghị quyết số 0905/NQ/HĐQT/2017 của Hội đồng quản trị ngày 09/5/2017. Số lượng cổ phần đã đầu tư: 97.000 cổ phần, giá mua khoản đầu tư 13.305.000.000 đồng, giá bán khoản đầu tư 14.505.000.000 đồng.

(**) Đầu tư vào đơn vị khác**

(1) Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt phương án góp thêm vốn đầu tư vào Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch theo Nghị quyết số 1211/NQ/HĐQT ngày 12/11/2016, số tiền góp thêm là 3.700.000.000 đồng. Tổng vốn góp sau đầu tư thêm tại 30/6/2017 là 6.625.000.000 đồng, đạt 18,87% vốn góp của Công ty TNHH Gốm xây dựng Yên Thạch.

(2) Công ty góp vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam theo Nghị quyết số 2911/NQ/HĐQT/2016 của Hội đồng quản trị ngày 29/11/2016, số tiền góp vốn theo Nghị quyết là 7.000.000.000 đồng, đạt 46,67% vốn điều lệ của Simex Việt Nam. Tuy nhiên đến thời điểm 30/6/2017, Công ty đã giảm vốn góp xuống còn 1.423.000.000 đồng đạt 16,31% vốn thực góp của Simex Việt Nam.

11. Chi phí trả trước

	30/6/2017	01/01/2017
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	37.083.748	11.314.870
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	1.841.917	11.314.870
Phí và bảo hiểm	35.241.831	0
b. Chi phí trả trước dài hạn	42.701.546	99.439.232
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	41.181.596	78.447.961
Phí và bảo hiểm	1.519.950	20.991.271
Cộng	79.785.294	110.754.102

130
HIT
NG
Ề
CH
HỘ
GIÁ

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. Phải trả người bán

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	7.446.904.818	7.446.904.818	10.134.247.076	10.134.247.076
Nhà cung cấp trong nước	7.383.438.618	7.383.438.618	10.134.247.076	10.134.247.076
Công ty TNHH Vật liệu làm nhà PLD	2.970.516.064	2.970.516.064	1.104.354.729	1.104.354.729
Công ty Cổ phần Cầu Đuống	1.389.300.000	1.389.300.000	1.589.300.000	1.589.300.000
Công ty TNHH Gốm Xây dựng Yên Thạch	1.195.988.200	1.195.988.200	0	0
Công ty TNHH Trường Sáng	442.826.425	442.826.425	166.566.391	166.566.391
Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Thiên Hà Thủy	91.072.380	91.072.380	91.072.380	91.072.380
Công ty TNHH Hồng Nhung	80.744.500	80.744.500	250.744.500	250.744.500
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	0	0	53.384.870	53.384.870
Công ty CP Chế tạo máy Tuấn Việt	0	0	2.171.353.391	2.171.353.391
Công ty Cổ phần Đầu tư XD TM và DV Nam Sông Hồng	0	0	1.751.830.725	1.751.830.725
Công ty TNHH Hưng Thành Phú Thọ	0	0	974.568.390	974.568.390
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	0	0	590.771.000	590.771.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	0	0	578.770.000	578.770.000
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	0	0	62.425.928	62.425.928
Phải trả cho các đối tượng khác	1.212.991.049	1.212.991.049	749.104.772	749.104.772
Nhà cung cấp nước ngoài	63.466.200	63.466.200	0	0
Pingxiang Maofa IMP. & EXI. Co., Ltd	63.466.200	63.466.200	0	0
Cộng	7.446.904.818	7.446.904.818	10.134.247.076	10.134.247.076
c. Phải trả người bán là bên liên quan				
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	0	0	53.384.870	53.384.870
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	0	0	590.771.000	590.771.000
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	0	0	578.770.000	578.770.000
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	0	0	62.425.928	62.425.928
Cộng	0	0	1.285.351.798	1.285.351.798

41.
NHÀ
TY
VU
CHÍ

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. Người mua trả tiền trước

	30/6/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	4.690.001.637	11.247.078.325
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	3.231.713.312	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	1.303.288.325	11.092.078.325
Công ty Cổ phần Chế tạo máy Tuấn Việt	155.000.000	155.000.000
Cộng	4.690.001.637	11.247.078.325
c. Người mua trả tiền trước là bên liên quan		
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	3.231.713.312	0
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	1.303.288.325	11.092.078.325
Cộng	4.535.001.637	11.092.078.325

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp/ khấu trừ trong kỳ	30/6/2017
a. Phải nộp	2.218.860.677	3.503.367.809	3.981.149.528	1.741.078.958
Thuế Giá trị gia tăng	107.612.176	2.541.765.863	2.649.378.039	0
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	2.111.248.501	325.430.457	695.600.000	1.741.078.958
Thuế môn bài	0	3.000.000	3.000.000	0
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	633.171.489	633.171.489	0
b. Phải thu	0	0	17.034.911	17.034.911
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	0	17.034.911	17.034.911

15. Chi phí phải trả

	30/6/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	110.552.841	16.813.958
Lãi vay phải trả	33.867.273	16.813.958
Chi phí vận chuyển và phí dịch vụ xuất khẩu hàng	76.685.568	0
Cộng	110.552.841	16.813.958

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

16. Phải trả khác

	30/6/2017	01/01/2017
a. Ngắn hạn	540.466.243	400.442.942
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	40.466.243	11.442.942
Đặng Việt Phương	0	389.000.000
Nguyễn Hoàng Phương (1)	500.000.000	0
Cộng	540.466.243	400.442.942

(1) Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam còn phải trả Ông Nguyễn Hoàng Phương về tiền ứng trước để bán 750.000 cổ phần của Công ty CP Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum, giá trị thỏa thuận giữa hai bên là 9.000.000.000 đồng theo hợp đồng số 01/2017/HĐCNCP/CRC-PHUONG ngày 26/6/2017.

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2017		Phát sinh		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn (*)	40.489.841.518	40.489.841.518	62.673.419.550	50.408.021.939	28.224.443.907	28.224.443.907
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân	26.561.823.968	26.561.823.968	47.995.402.000	33.717.828.078	12.284.250.046	12.284.250.046
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD I	2.409.886.950	2.409.886.950	2.459.886.950	1.732.201.940	1.682.201.940	1.682.201.940
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ	11.518.130.600	11.518.130.600	12.218.130.600	14.753.791.917	14.053.791.917	14.053.791.917
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng	0	0	0	204.200.004	204.200.004	204.200.004
b. Vay dài hạn (**)	2.535.120.000	2.535.120.000	3.621.600.000	1.770.729.995	684.249.995	684.249.995
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD I	2.535.120.000	2.535.120.000	3.621.600.000	1.086.480.000	0	0
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Phạm Hùng	0	0	0	684.249.995	684.249.995	684.249.995
Cộng	43.024.961.518	43.024.961.518	66.295.019.550	52.178.751.934	28.908.693.902	28.908.693.902

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
TTel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

(*) Chi tiết Vay ngắn hạn:

Số tài khoản/hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức/ Gốc vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 30/6/2017
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thanh Xuân					
01/2016/HDCTD/VCBTX-CR	19/12/2016	10.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	600.000.000
Hợp đồng số 01/2017/HMCV/VCBTX-CR	23/01/2017	30.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	25.961.823.968
Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 01/SD-HMCV/2017	19/06/2017				
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 1					
11638.16.002.2265211.TD	25/03/2016	3.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	1.685.566.950
625-11-15/HĐTD/PHG (Vay dài hạn đến hạn trả)	25/01/2017	3.641.400.000	Linh hoạt	60 tháng	724.320.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tây Hồ					
Hợp đồng số 1506-LAV- 201601070	29/09/2016	20.000.000.000	Linh hoạt	12 tháng	11.518.130.600

(**) Chi tiết Vay dài hạn:

Số Tài khoản/hợp đồng	Ngày hợp đồng	Hạn mức/ Gốc vay	Lãi suất	Thời hạn vay	Dư gốc vay tại 30/6/2017
Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 1					
625-11-15/HĐTD/PHG	25/01/2017	3.641.400.000	Linh hoạt	60 tháng	2.535.120.000

18. Vốn chủ sở hữu**a - Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017			
Số dư tại ngày 01/01/2017	150.000.000.000	11.831.441.951	161.831.441.951
Lãi trong kỳ này	0	1.145.414.641	1.145.414.641
Số dư tại ngày 30/6/2017	150.000.000.000	12.976.856.592	162.976.856.592

b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/06/2017	01/01/2017
Vốn góp của các cổ đông	150.000.000.000	150.000.000.000
Cộng	150.000.000.000	150.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
TTel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận được chia**

	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Vốn góp đầu kỳ	150.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	0
Vốn góp giảm trong kỳ	0
Vốn góp cuối kỳ	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0

d - Cổ phiếu

	30/6/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	30/06/2017		01/01/2017	
c- Ngoại tệ các loại	Nguyên tệ	Giá trị	Nguyên tệ	Giá trị
USD (Đô la Mỹ)	399,31	9.064.337	0,00	0

VI - THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: đồng

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
a. Doanh thu	36.869.467.844	56.670.260.476
Doanh thu bán hàng	27.970.567.844	47.771.360.476
Doanh thu xây dựng, lắp đặt	8.898.900.000	8.898.900.000
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	11.505.278.500	17.624.268.100
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	761.134.000	1.908.804.000
Công ty Cổ phần SX và Cung ứng VLXD Kontum	8.898.900.000	11.105.381.900
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	1.845.244.500	4.610.082.200

2. Giá vốn hàng bán

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Giá vốn của hàng đã bán	26.088.622.179	44.168.733.115
Giá vốn xây dựng, lắp đặt	9.311.154.522	9.311.154.522
Cộng	35.399.776.701	53.479.887.637

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,
quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
TTel: 0243.6292.5566 Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Lãi tiền gửi	130.889.579	130.982.106
Lãi cho vay	68.000.000	68.000.000
Lãi từ các khoản đầu tư	1.200.000.000	1.200.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	57.601.615	59.627.056
Cộng	1.456.491.194	1.458.609.162

4. Chi phí tài chính

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chi phí lãi vay	872.800.749	1.572.266.499
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	62.312.747	75.413.948
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh cuối kỳ	917.548	917.548
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(28.848.461)	(28.848.461)
Cộng	907.182.583	1.619.749.534

5. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
a. Chi phí bán hàng	329.517.289	340.530.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	329.517.289	340.530.925
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp	734.995.045	1.062.753.747
Chi phí nhân viên	241.473.570	410.182.125
Chi phí đồ dùng văn phòng	87.110.172	87.110.172
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.057.614	104.115.228
Thuế, phí, lệ phí	92.293.983	130.655.214
Chi phí dịch vụ mua ngoài	236.162.979	269.626.463
Chi phí bằng tiền khác	25.896.727	61.064.545
Cộng	1.064.512.334	1.403.284.672

6. Thu nhập khác

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Thu nhập khác	345	6.345
Cộng	345	6.345

7. Chi phí khác

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tiền chậm nộp thuế	154.371.489	154.371.489
Phạt chậm nộp BHXH	325.519	737.276
Các khoản khác	277	277
Cộng	154.697.285	155.109.042

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	799.790.480	1.470.845.098
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN	154.707.633	156.307.187
Các khoản điều chỉnh tăng	154.707.633	156.307.187
- Tiền chậm nộp thuế	154.371.489	154.371.489
- Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục tiền có gốc ngoại tệ	10.348	10.348
- Phạt chậm nộp BHXH	325.519	737.276
- Chi phí không có đầy đủ hồ sơ	277	1.188.074
Tổng lợi nhuận tính thuế	954.498.113	1.627.152.285
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	190.899.623	325.430.457
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	190.899.623	325.430.457

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II Năm 2017	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.914.873.856	12.668.146.766
Chi phí nhân công	241.473.570	410.182.125
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.057.614	104.115.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.215.204.078	1.259.681.198
Chi phí khác bằng tiền	118.190.710	191.719.759
Cộng	13.541.799.828	14.633.845.076

10. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

10.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***10.1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)***Độ nhạy đối với lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017		
Đồng	+100	(212.603.420)
Đồng	-100	212.603.420

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

10.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản phải thu khác

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng từ các khoản phải thu khác bằng cách chủ yếu giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Nợ phải trả tài chính	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
	đ	đ	đ
Tại ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	28.224.443.907	684.249.995	28.908.693.902
Phải trả người bán	10.134.247.076	0	10.134.247.076
Chi phí phải trả	16.813.958	0	16.813.958
Phải trả khác	389.000.000	0	389.000.000
Cộng	38.764.504.941	684.249.995	39.448.754.936
Tại ngày 30/6/2017			
Các khoản vay và nợ	40.489.841.518	2.535.120.000	43.024.961.518
Phải trả người bán	7.446.904.818	0	7.446.904.818
Chi phí phải trả	110.552.841	0	110.552.841
Phải trả khác	500.000.000	0	500.000.000
Cộng	48.547.299.177	2.535.120.000	51.082.419.177

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng sổ tiết kiệm, phương tiện vận tải và một phần tài sản xây dựng cơ bản dở dang làm tài sản thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng vào ngày 30/6/2017 và ngày 01/01/2017.

Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của bên thứ ba tại ngày 30/6/2017 và ngày 01/01/2017. Chi tiết:

- (1) Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng căn hộ số 11 ngõ 48 Tô Vĩnh Diện, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, Hà Nội theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất số BĐ 540969, sổ vào sổ cấp GCN: CH 00095 do UBND quận Thanh Xuân cấp ngày 01/06/2011.
- (2) Tài sản đảm bảo là nhà máy sản xuất gạch trên diện tích 86.415 m² tại thửa đất số 215, tờ bản đồ số 1, thôn Đông Lái, xã Phong Thu, huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản khác gắn liền với đất số BS115440, sổ vào sổ cấp GCN: CT05205 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế cấp ngày 22/01/2015 cho Công ty Cổ phần Gạch Tuynel Phong Thu.
- (3) Tài sản thế chấp là các quyền tài sản phát sinh trong Hợp đồng mua bán căn hộ số 351/2015-HĐMB-Golden Millennium ký ngày 10/03/2015 giữa bà Trương Thị Hoài Thu và Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Ba Đình.
- (4) Tài sản thế chấp là toàn bộ các tài sản gắn liền với đất hình thành từ dự án "Đầu tư Nhà máy Gạch Tuynel Kim Xá" tại khu Đồi Gộc, xã Kim Xá, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 933659 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 01/09/2006 và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ dự án này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10.3. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

(5) Tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại địa chỉ: BT4.2, khu chức năng đô thị Tây Mỗ, phường Tây Mỗ, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số BY 045357, sổ vào sổ cấp GCN: CS 10538 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 11/12/2014.

(6) Tài sản thế chấp là quyền tài sản phát sinh hợp pháp từ Hợp đồng mua bán căn hộ số 267/2014/BDSTL-SGD Căn hộ: 704A - tầng 7 ngày 07/11/2014 ký giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long (gọi tắt là chủ đầu tư) và Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam và biên bản bàn giao nhà ngày 10/11/2014 tại địa chỉ: Căn hộ số 704A - tầng 07, dự án: tòa nhà hỗn hợp văn phòng, chung cư cao cấp Sông Đà - Hà Đông, số 110, đường Trần Phú, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội.

11. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/06/2017		01/01/2017		30/06/2017	01/01/2017
	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	Giá trị (đ)	Dự phòng (đ)	(đ)	(đ)
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.964.619.538	0	840.886.419	0	9.964.619.538	840.886.419
Phải thu khách hàng	7.160.471.632	(46.488.415)	6.456.595.455	(46.488.415)	7.113.983.217	6.410.107.040
Phải thu về cho vay	4.000.000.000	0	0	0	4.000.000.000	0
Phải thu khác	75.730.262.359	0	86.753.335.204	0	75.730.262.359	86.753.335.204
Đầu tư tài chính ngắn hạn	11.800.000.000	0	0	0	11.800.000.000	0
Đầu tư tài chính dài hạn	72.052.172.000	0	84.668.217.760	(28.848.461)	72.052.172.000	84.639.369.299
Cộng	180.707.525.529	(46.488.415)	178.719.034.838	(75.336.876)	180.661.037.114	178.643.697.962
Nợ phải trả tài chính						
Các khoản vay và nợ	43.024.961.518	0	28.908.693.902	0	43.024.961.518	28.908.693.902
Phải trả người bán	7.446.904.818	0	10.134.247.076	0	7.446.904.818	10.134.247.076
Chi phí phải trả	110.552.841	0	16.813.958	0	110.552.841	16.813.958
Phải trả khác	500.000.000	0	389.000.000	0	500.000.000	389.000.000
Cộng	51.082.419.177	0	39.448.754.936	0	51.082.419.177	39.448.754.936

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu về cho vay, phải thu khác, các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/6/2017 và ngày 01/01/2017. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN*Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ***Đơn vị tính: đồng***1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

Từ 01/01/2017**đến 30/6/2017**

65.570.699.550

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

Từ 01/01/2017**đến 30/6/2017**

51.454.431.934

VIII- NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

2. Thông tin về các bên liên quan**a. Các giao dịch và số dư với công ty con, công ty liên kết**

- Tại ngày 30/6/2017, Công ty có các bên liên quan bao gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Sản xuất và Cung ứng VLXD Kontum	Công ty con
Công ty Cổ phần Gạch ngói Vĩnh Phúc	Công ty con
Công ty Cổ phần Gốm sứ HACECO	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Simex Việt Nam	Công ty liên kết đến ngày 19/5/2017
Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Hoàng Phát 1	Công ty liên kết đến ngày 19/5/2017
Công ty Cổ phần Goldstar Việt Nam	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Nam Thăng Long	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty Cổ phần Khoáng sản và Xây dựng Hà Nội	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty Cổ phần Hăng sơn Đông Á	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám
Công ty CP XNK Nam Hà Nội	Có cổ đông góp vốn là Ông Mai Anh Tám - Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Tel: 043.6292.5566

Fax: 043.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Thông tin về các bên liên quan (tiếp theo)**b. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc**

- Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017, Công ty có phát sinh giao dịch với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	TK	Số dư đầu kỳ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Ông Mai Anh Tám	Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	Phải thu khác	138	0	130.416.667	49.000.000	81.416.667

Tổng thù lao, lương và phụ cấp của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc nhận được trong 6 tháng đầu năm 2017 là 106.720.000 đồng.

3. Thông tin báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là bán hàng và xây lắp. Công ty nhận định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về lĩnh vực kinh doanh. Công ty kết luận rằng bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là báo cáo chính yếu, bộ phận theo khu vực địa lý là báo cáo thứ yếu và sẽ trình bày báo cáo bộ phận chính yếu.

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Chỉ tiêu	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây lắp	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	47.771.360.476	8.898.900.000	56.670.260.476
- Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	47.771.360.476	8.898.900.000	56.670.260.476
2. Chi phí	45.351.660.763	9.531.511.546	54.883.172.309
- Giá vốn	44.168.733.115	9.311.154.522	53.479.887.637
- Chi phí phân bổ	1.182.927.648	220.357.024	1.403.284.672
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.419.699.713	(632.611.546)	1.787.088.167
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	0	0	0
5. Tài sản bộ phận	185.900.988.179	34.629.834.428	220.530.822.607
6. Tài sản không phân bổ			
Tổng tài sản	185.900.988.179	34.629.834.428	220.530.822.607
7. Nợ phải trả bộ phận	48.516.298.218	9.037.667.797	57.553.966.015
8. Nợ phải trả không phân bổ			
Tổng nợ phải trả	48.516.298.218	9.037.667.797	57.553.966.015

CÔNG TY CỔ PHẦN CREATE CAPITAL VIỆT NAM

Địa chỉ: 104/140 Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính,

quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

TTel: 0243.6292.5566

Fax: 0243.6292.5566

Mẫu số B09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC).

Không có số liệu so sánh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 do Công ty không lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn này.

5. Tính hoạt động liên tục

Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Người lập biểu

Dương Thị Huyền

Kế toán trưởng

Dương Thị Huyền

Tổng Giám đốc



Mai Anh Tâm